

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HSST
Ngày 09/5/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Bá Thị và bà Hoàng Thị Kim Xuyên .

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Nơi sinh: Huyện TS, tỉnh Phú Thọ ;

Nơi ĐKKHKT: Khu T2, xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Làm ruộng;

Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1959;

Con bà: Trần Thị K, sinh năm 1961;

Chồng: Hà Đức T, sinh năm 1989;

Con: Có 01 con sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh **Hà Mạnh T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xã MĐ, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

2- Anh **Ninh Văn L**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- 3- Anh **Hà Văn S**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
- 4- Anh **Hà Trường G**, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
- 5- Anh **Hà Thanh G**, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
- 6- Anh **Hà Văn N**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
- 7- Anh **Hà Liên T**, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
- 8- Anh **Hà Văn C**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 04/02/2018, Tổ công tác - Công an huyện TS tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện Nguyễn Thị T ở xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ đang có hành vi ghi số đề cho Hà Mạnh T ở xã MĐ, huyện TS. Thu giữ tại bàn uống nước ở phòng khách nơi Nguyễn Thị T ngồi ghi số lô, số đề: 01 tờ giấy kẻ ô li, một mặt có ghi chữ và các con số lô, số đề ngày 04 tháng 02 (bảng đề); 01 bút bi mực màu đen đã qua sử dụng; thu giữ trên người T số tiền 1.250.000đ. Thu của Hà Mạnh T 01 mảnh giấy kẻ ô li, một mặt có ghi số lô: 10 là 50 điểm tương ứng với số tiền 1.150.000đ, ghi các số đề 10, 87 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền Tuấn đưa cho T là 1.250.000đ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi ghi số đề cho Hà Mạnh T như đã nêu trên. Ngoài ra T còn khai nhận trong ngày 04/02/2018, T đã ghi số đề cho nhiều người trong đó có Ninh Văn L ở xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ các số lô 38, 09, 90, 45 mỗi số 50 điểm tương ứng số tiền 4.600.000đ và các số đề 87, 78 mỗi số 50.000đ, tổng số tiền L trả cho T là 4.700.000đ, cùng ngày T còn ghi số lô, số đề cho Hà Văn S; Hà Trường G; Hà Thanh G; Hà Văn N; Hà Liên T và Hà Văn C đều ở xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ với số tiền 651.000đ. T đã giao nộp tiền ghi số lô, số đề cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TS là 5.351.000đ.

Hình thức đánh bạc ghi số lô, số đề được quy ước như sau: Người ghi số đề lựa chọn các số bất kỳ từ 00 đến 99, kết quả sẽ so theo hai số cuối của giải đặc biệt (đối với số đề) hoặc so theo hai số cuối của tất cả các giải (đối với số lô) Xổ số Miền Bắc ngày hôm đó. Nếu người ghi số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì được đề

với tỷ lệ cá cược 01 ăn 70 lần, nếu người ghi lô trùng với hai số cuối của các giải thì được lô với mỗi điểm lô ghi 23.000đ ăn 80.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 11/VKSTS ngày 05/4/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TS nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 6.601.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 bút bi mực màu đen đã qua sử dụng; tịch thu lưu trong hồ sơ 01 mảnh giấy kẻ ô li, một mặt có các con số (cáp đề). số Lô: 10 với 50, 01 tờ giấy kẻ ô ly kích thước 04x 10 cm, một mặt ghi các con số 4/2 Lô 38-50^d; 09-50^d; 90-50^d; 45-50^d; Đề 78-50; 87-50.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TS; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng được thực hiện là hợp pháp.

[2] Về lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị T phù hợp và được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/02/2018 bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức ghi số lô, số đề cho Hà Mạnh T; Ninh Văn L; Hà Trường G; Hà Thanh G; Hà Văn N; Hà Liên T và Hà Văn C tại nhà ở của mình với tổng số tiền là 6.601.000đ.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo T thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt có thể thể xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ đủ để giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Tại biên bản xác minh tài sản và tại phiên tòa bị cáo khai không có tài sản có giá trị, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với Ninh Văn L; Hà Mạnh T; Hà Trường G; Hà Thanh G; Hà Văn N; Hà Liên T và Hà Văn C là các đối tượng có hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức chơi số lô, số đề nhưng số tiền từng đối tượng dùng vào đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Bản thân chưa có tiền án tiền sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TS đã xử phạt hành chính là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 6.601.000đ là khoản tiền thu lời bất chính của bị cáo T cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bút bi mực màu đen bị cáo T dùng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 mảnh giấy kẻ ô li, một mặt có các con số (cáp đề). số Lô: 10 với 50, 01 tờ giấy kẻ ô ly kích thước 04x 10 cm, một mặt ghi các con số 4/2 Lô 38-50^d; 09-50^d; 90-50^d; 45-50^d; Đề 78-50; 87-50 tịch thu lưu trong hồ vụ án là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Đánh bạc".

2 - **Về hình phạt:** Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng

cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TS nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

3 - Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 6.601.000đ (sáu triệu sáu trăm linh một nghìn đồng)

Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi mực màu đen đã qua sử dụng.

Tịch thu lưu trong hồ sơ 01 mảnh giấy kẻ ô li, một mặt có các con số (cáp đề). số Lô: 10 với 50, 01 tờ giấy kẻ ô ly kích thước 04x 10 cm, một mặt ghi các con số 4/2 Lô 38-50^d; 09-50^d; 90-50^d; 45-50^d; Đề 78-50; 87-50 (tại bút lục 07;08;09).

Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Phú Thọ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 4 năm 2018.

4 - Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện TS;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TS, ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ+ văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí